

Ý NGHĨA TRONG TƯ TƯỞNG “DĨ BẤT BIẾN, ỨNG VẠN BIẾN” CỦA HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ MINH TUYẾT (*)

Chủ tịch Hồ Chí Minh - người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà chính trị lỗi lạc, danh nhân văn hóa thế giới, đồng thời là nhà ngoại giao kiệt xuất của dân tộc Việt Nam. Để chỉ đạo hoạt động ngoại giao - một lĩnh vực hết sức gian khó do những đặc thù của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đề ra tư tưởng “dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Nguyên tắc này không chỉ là bí quyết nhận thức, hành động hiệu quả của riêng Hồ Chí Minh mà còn trở thành cẩm nang trong nhận thức, hành động của cách mạng Việt Nam.

“Dĩ bất biến, ứng vạn biến” là câu nói nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tháng 5 - 1946 - thời điểm “vạn mệnh dân tộc ngàn cân treo sợi tóc” mà Người phải sang Pháp để cứu vãn nền hòa bình. Trước khi đi, Người giao quyền chủ tịch nước cho cụ Huỳnh Thúc Kháng với lời dặn dò: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ và anh em giải quyết cho. Mong cụ “dĩ bất biến, ứng vạn biến”(1) - lấy điều không đổi ứng phó với vạn điều thay đổi; lấy vạn điều thay đổi để thực hiện điều không đổi.

Theo nhà ngoại giao Vũ Dương Huân, “dĩ bất biến, ứng vạn biến” không có nguyên văn trong sách cổ mà được suy ra từ *Ngô Khởi binh pháp*, thiên thứ 5 về “ứng biến”(2). Bằng câu nói mang âm hưởng văn hóa phương Đông, Hồ Chí Minh thể hiện quan điểm phải kết hợp nhuần nhuyễn, chặt chẽ giữa tính nguyên tắc, kiên định, vững chắc của mục tiêu chiến lược với tính linh hoạt, uyển chuyển của sách lược, giữa đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng. Câu nói như một điển tích, điển

cổ giữa 2 người tri âm, tri kỷ trong một hoàn cảnh cụ thể đã vượt qua không gian và thời gian để trở thành nguyên tắc chỉ đạo tư tưởng, phương châm hành động và triết lý nhân sinh của dân tộc Việt Nam trên tinh thần *biện chứng*.

1. “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” – tư tưởng, phương pháp và phong cách của Hồ Chí Minh

Với Hồ Chí Minh, tư tưởng, phương pháp, phong cách thường chung đúc làm một nên “dĩ bất biến, ứng vạn biến là sự cô đúc tất cả tư tưởng, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh”(3). Để hiểu được sự sâu sắc của tư tưởng, sự linh hoạt của phương pháp cách mạng và sự thống nhất trong phong cách tư duy và hành động của Hồ Chí Minh, chúng ta phải xác định điều gì là *bất biến, điều gì là vạn biến* cũng như mối quan hệ giữa *bất biến* và *vạn biến* trong *quan niệm của Hồ Chí Minh*.

(*) Tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

(1) Hồ Chí Minh. *Biên niên tiểu sử*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.216.

(2) Vũ Dương Huân. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao*. Hà Nội, 2005, tr.87.

(3) Hoàng Chí Bảo. *Văn hóa ứng xử Hồ Chí Minh - giá trị và ý nghĩa*. Tạp chí *Cộng sản*, số tháng 5 - 2005.

Thứ nhất, điều bất biến trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ hoàn cảnh đau thương của một dân tộc bị mất nước và khát vọng giải phóng dân tộc của một con người yêu nước, *điều bất biến đầu tiên trong tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập, tự do của dân tộc*. Nếu như mỗi con người sinh ra đều có “quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” thì “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”(4). Từ quyền con người, Hồ Chí Minh đã nâng thành quyền dân tộc và cuộc đấu tranh vì “những lẽ phải không ai có thể chối cãi được” ấy đã trở thành *mục tiêu bất biến* trong suốt cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh. Từ năm 1930, Nguyễn Ái Quốc soạn thảo *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng - cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo mà tư tưởng cốt lõi là độc lập - tự do*. Tháng 8 - 1945, trong những điều kiện thuận lợi của lịch sử, Hồ Chí Minh đúc kết ý chí đấu tranh cho độc lập dân tộc, tự do của nhân dân ta bằng câu nói bất hủ: Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành được *độc lập*. Cách mạng Tháng Tám thành công, Người thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập*, trịnh trọng khẳng định trước thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững *quyền tự do, độc lập đó*”(5). Cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc Việt Nam diễn ra cũng vì *mục tiêu bất biến* mà Người đã khái

quát thành chân lý “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”. Tuy nhiên, đối với Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc không phải là một khái niệm chung chung mà ngược lại, nó chứa đựng những nội hàm, tiêu chí cụ thể như độc lập dân tộc phải gắn liền với *sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, với quyền dân tộc tự quyết, với sự ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân...* Suy cho cùng, những tiêu chí đó chính là những khát vọng muôn đời của mọi dân tộc, mọi con người. Thấu hiểu khát vọng ấy, thực tiễn hóa những khát vọng ấy thành *mục tiêu bất biến của cách mạng* và của chính cuộc đời mình là điều chỉ có ở các vĩ nhân.

Điều bất biến thứ hai của Hồ Chí Minh là chủ nghĩa xã hội. Việc lựa chọn *con đường cách mạng* là điều rất quan trọng vì chính nó sẽ quyết định giai cấp lãnh đạo, lực lượng cách mạng và định hướng phát triển của dân tộc. Khi lựa chọn *con đường cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc* thì Hồ Chí Minh đã gắn *độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội*. Đây là *sự khác biệt lớn nhất* giữa *con đường cứu nước của Hồ Chí Minh với con đường cứu nước của các sĩ phu yêu nước trước đó*. Hồ Chí Minh gắn *độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội* bởi Người nhìn nhận chủ nghĩa xã hội không chỉ là kết quả tất yếu do sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất, mà còn là *con đường duy nhất để giải phóng dân tộc, để xây dựng một xã hội phát triển cao hơn và tốt đẹp hơn so với chủ nghĩa tư bản*. Người viết: “*Dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải*

(4) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.555.

(5) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.496.

phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”(6). Góc nhìn này của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội cho phép giải thích sự ra đời của chủ nghĩa xã hội ở một nền kinh tế tiền tư bản chủ nghĩa như Việt Nam. Vì thế, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam “vừa có lý, vừa có tình. Lý ở đây là quy luật, là khoa học. Tình ở đây là chất nhân văn, nâng niu giá trị con người”(7). Mặc dù cái gọi là chủ nghĩa xã hội từng hiện hữu trên trái đất này chưa đạt tới những giá trị tốt đẹp như trong quan điểm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin và Hồ Chí Minh, song không vì thế mà chủ nghĩa xã hội không còn là khát vọng và định hướng của những con người và những dân tộc đang trong thời kỳ quá độ đi đến đó.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, điều bất biến thứ nhất là *độc lập dân tộc* dẫn đến điều bất biến thứ hai là *chủ nghĩa xã hội* nên Người yêu cầu: “Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm”(8). Với tư tưởng “*độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội*”, Hồ Chí Minh đã tìm ra quy luật vận động và phát triển của cách mạng Việt Nam - một quy luật “thuận với chiều hướng tiến hóa của nhân loại”(9), phù hợp với yêu cầu giải phóng của xã hội Việt Nam nói chung và của mỗi con người nói riêng và vì vậy, Người đã mở ra *thời đại rực rỡ nhất* trong lịch sử dân tộc.

Thứ hai, điều vạn biến trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chúng ta nhận thấy rằng, mục tiêu cao nhất của cuộc cách mạng cũng như

của một đời người thường kết tụ trong một vài nội dung cốt tử nhưng con đường, biện pháp, sách lược để đi đến nó lại vô cùng phong phú và đòi hỏi sự sáng tạo không ngừng, vì “chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo”. Đối với Hồ Chí Minh, *trừ 2 điều bất biến kể trên thì tất cả là vạn biến* được thể hiện, thực hiện trong mọi thời điểm và trên mọi lĩnh vực của cuộc đấu tranh cách mạng. Với sự thông tuệ và trải nghiệm sâu sắc, Hồ Chí Minh từng xác định: “Mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt”(10). Người đã xử lý một cách hoàn hảo mối quan hệ giữa hai vấn đề tưởng chừng đối lập: Tính kiên định về nguyên tắc, lý tưởng, niềm tin và tính linh hoạt, uyển chuyển trong phương pháp tư duy và hành động. Điều đó làm nên *phong cách Hồ Chí Minh*: Vô cùng linh hoạt, quyền biến nhưng không xa rời nguyên tắc; vô cùng cương nghị, cứng rắn về những vấn đề nguyên tắc nhưng không xơ cứng, sáo mòn... Ví dụ: Mặc dù xác định chủ nghĩa xã hội là điều *bất biến* của cách mạng Việt Nam nhưng Hồ Chí Minh cũng thấu hiểu rằng, do đặc điểm lịch sử của mỗi nước khác nhau nên *con đường và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước sẽ khác nhau*. Người mạnh dạn tuyên bố: Trong cách thức xây dựng chủ nghĩa xã hội, “làm khác

(6) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.10, tr.128.

(7) Hoàng Chí Bảo. *Minh triết Hồ Chí Minh*. Tạp chí Văn hóa học, số 1 - 2012, tr.9.

(8) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.9, tr.173.

(9) Phạm Văn Đồng. *Hồ Chí Minh - tình hoa và khí phách của dân tộc*. Nxb Chính trị Quốc gia, 2012, tr.36.

(10) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.319.

Liên Xô, Trung Quốc cũng là mácxít". "Dĩ bất biến, ứng vạn biến" chính là thế: Cùng mục tiêu bất biến là chủ nghĩa xã hội nhưng mỗi dân tộc sẽ đi đến đó bằng những phương cách khác nhau. Tuy nhiên, muốn giữ vững và nhất quán với bất biến, con người phải có sự nhạy cảm và năng lực sáng tạo để thực hành cái khả biến trong mọi hoàn cảnh và tình huống. Phải nhạy cảm mới nhận ra những thay đổi của hoàn cảnh lịch sử, phải sáng tạo mới tìm ra thượng sách để giải những bài toán không có trong tiền lệ... Bằng sự linh hoạt đến kỳ lạ của mình, Hồ Chí Minh đã chứng minh chân lý: Làm cách mạng không chỉ cần "đúng" mà còn phải "khéo"; không chỉ là lập trường, quan điểm mà còn là nghệ thuật, mưu lược.

Đúng như một nhà báo Pháp đã nhận xét: "Chính sự kết hợp mà không ai bắt chước nổi giữa tính mềm dẻo với tính cương nghị, giữa tính linh hoạt về chính trị với tính cứng rắn về nguyên tắc, giữa việc vận dụng truyền thống yêu nước với sự phân tích mácxít đã tạo nên tính chất độc đáo của ông Hồ Chí Minh"(11). Không chỉ là đặc điểm, là điều độc đáo, "dĩ bất biến, ứng vạn biến" còn là sức mạnh của chính trị gia thiên tài Hồ Chí Minh.

2. Ý nghĩa trong tư tưởng "dĩ bất biến, ứng vạn biến" của Hồ Chí Minh

Tư tưởng "dĩ bất biến ứng vạn biến" của Hồ Chí Minh chứa đựng phương pháp nhận thức hiệu quả. Muốn "dĩ bất biến, ứng vạn biến" thì trước hết phải nhận thức chính xác: Trong hiện thực khách quan bề bộn, cái gì là bất biến, cái gì là vạn biến. Muốn vậy, bản thân chủ thể nhận thức phải tĩnh tâm (tâm bất biến) để có được sự bình tĩnh,

tĩnh táo, trong trẻo, minh mẫn. Sự tĩnh tâm sẽ giúp con người nhìn ra cái bất biến của hiện thực khách quan để rồi "tri thường viết minh". Ngược lại, khi cái tâm bất ổn do những tham vọng đen tối, ích kỷ quấy đảo thì không thể nhìn vạn vật một cách chính xác, khách quan và tâm không tĩnh thì việc không thành. Xuất phát từ quan điểm trên, Hồ Chí Minh đã nhiều lần giáo dục cán bộ, đảng viên: Muốn đánh thắng kẻ địch bên ngoài thì trước hết phải đánh thắng kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân; muốn cải tạo thế giới thì trước hết lòng mình phải cải tạo. Sự tĩnh tâm là tiền đề, điều kiện để nhận thức đúng quy luật khách quan và khi đã nhận thức đúng quy luật thì chủ thể nhận thức hoàn toàn chủ động thực hiện những điều vạn biến một cách ung dung, tự tại. Ta bỗng hiểu vì sao Hồ Chí Minh thường "nắm bắt rất nhanh quy luật của lịch sử và biết vận dụng nó đúng nơi, đúng lúc, đúng mức, đúng cách để làm ra lịch sử, để từ không làm nên có, từ cũ làm ra mới, biến thành hiện thực những điều người bình thường tưởng như vô vọng"(12). Hóa ra, sự nhanh nhạy trong nhận thức, sự phi phạm trong hành động của Người khởi nguồn từ cái tâm "tĩnh như núi" và "trong sáng như ánh mặt trời"(13) của Người. Phương pháp nhận thức mà Hồ Chí Minh gửi gắm trong tư tưởng "dĩ bất biến, ứng vạn biến" thật sâu sắc và

(11) Dẫn theo Song Thành. Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng lỗi lạc. Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2009, tr.336.

(12) Phạm Văn Đồng. Hồ Chí Minh, một con người, một thời đại, một sự nghiệp. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1990, tr.193.

(13) Phạm Văn Đồng. Hồ Chí Minh, một con người, một thời đại, một sự nghiệp. Sdd, tr.137.

nhân văn khi đề cao vai trò của chủ thể nhận thức với tất cả những giá trị đạo đức. Không phải ngẫu nhiên mà một nhà nghiên cứu đã khẳng định: “Minh triết Hồ Chí Minh... có vẻ đẹp thanh cao của đạo đức”(14).

Tư tưởng “dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Hồ Chí Minh toát lên triết lý hành động của con người cách mạng. Ngay chữ “dĩ” cũng nói lên rằng, nhận ra cái bất biến không chỉ để nhận thức mà còn để hành động, để ứng vạn biến. Ở nội dung này, Hồ Chí Minh đã tiếp thu tinh thần cách mạng, ý chí hành động của triết học Mác - Lênin trong luận điểm nổi tiếng: Các nhà triết học không chỉ giải thích thế giới mà còn phải cải tạo thế giới. Đối với Hồ Chí Minh, hành động là chỗ đến, là mục đích của nhận thức, là phương tiện kiểm nghiệm độ chính xác của nhận thức, là cơ sở để chỉnh sửa nhận thức. Suy cho cùng, TRI để HÀNH. Khi đã xác định được những mục tiêu bất biến của dân tộc, Hồ Chí Minh tỏ rõ sự ung dung, tự tại trong mọi hoàn cảnh, tỏ rõ tính chủ động và năng lực tự do để “tùy cơ ứng biến”, để “thiên biến vạn hóa”. Khả năng đối ứng linh hoạt trên cơ sở nắm chắc mục tiêu bất biến của dân tộc đã làm Người trở thành “nhà biện chứng thực hành” vĩ đại nhất của cách mạng Việt Nam. Nếu “người có minh triết là người đạt được sự thanh thản, tự do, an nhiên tự tại, tự chủ và làm chủ trước mọi hoàn cảnh và trong mọi mối quan hệ”(15) thì Hồ Chí Minh là người minh triết.

Đối với Hồ Chí Minh, “dĩ bất biến, ứng vạn biến” không chỉ là nguyên tắc nhận thức, triết lý hành động mà còn trở thành lẽ sống cao cả

của Người. Ở đây, có sự nhất quán sâu sắc giữa tư tưởng và hành động, giữa lý luận và thực tiễn, giữa triết lý sống và cách sống. Là một người yêu nước vĩ đại nhất của dân tộc Việt Nam, điều bất biến của dân tộc đã trở thành điều bất biến của Hồ Chí Minh. Cả cuộc đời, Người “chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Người từng nói những lời gan ruột: “Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi chỉ theo đuổi một mục đích làm cho ích quốc lợi nhà”. Cái “một” ấy là điều bất biến trong suốt cuộc đời Hồ Chí Minh. Vì cái bất biến ấy mà Người suốt đời bền bỉ hành động, bền bỉ hy sinh. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết: “Cụ Hồ không có cái gì riêng; cái gì của nước, của dân là của Người; quyền lợi tối cao của nước, lợi ích hàng ngày của dân là sự lo lắng hàng ngày của Người”(16). Trọn đời hy sinh vì một mục tiêu bất biến cao cả đã làm tư tưởng “dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Người trở nên cụ thể, sống động và đầy sức thuyết phục. Như vậy, tư tưởng dẫn đến hành động và hành động chứa đựng tư tưởng một cách chân thực nhất. Sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động, nói và làm là một giá trị hằng hữu của Hồ Chí Minh.

Tư tưởng “dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Hồ Chí Minh chứa đựng triết lý nhân sinh sâu sắc. Đó là,

(14) Hoàng Chí Bảo. *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*. Sdd., tr.452.

(15) Hoàng Chí Bảo. *Minh triết Hồ Chí Minh*. Sdd., tr.12.

(16) Phạm Văn Đồng. *Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí phách của dân tộc*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 2012, tr.42.

trong cuộc sống, con người phải tự xác định: Với mình, *điều gì là lớn nhất, cốt lõi nhất để rồi dùng cái lớn, cái cốt tử mà dung hòa cái nhỏ, gạt bỏ điều vặt vãnh*. Nhờ đó, mọi việc trở nên sáng rõ, nhẹ nhàng và con người có được quyền năng tự do vì đã *tự mình giải phóng cho mình* khỏi những điều nhỏ mọn, những tham vọng tầm thường - những điều dẫn đến sự tha hóa của chính mình. Như vậy, "dĩ bất biến, ứng vạn biến" chính là *triết lý về cách sống*, giúp chúng ta nhìn ra con đường *tự giải phóng*.

Câu nói của Hồ Chí Minh với cụ Huỳnh: "Mong cụ ở nhà *dĩ bất biến, ứng vạn biến*" còn thể hiện *bản lĩnh ứng xử văn hóa, tinh tế*. Được giao trọng trách lớn khi vận nước quá gian nan, dường như cụ Huỳnh muốn được nghe nhiều lời dặn dò của Hồ Chủ tịch nhưng Người chỉ nói một câu *hàm súc*. Người tin vào sự thấu hiểu thời cuộc và khả năng quyền biến của cụ Huỳnh mà không phải chỉ vẽ, tin cụ Huỳnh hiểu được ý mình mà không phải nhiều lời. *Đối với Hồ Chí Minh, đã giao việc là giao quyền, đã giao quyền phải có lòng tin và sự tôn trọng*. Lòng tin và sự tôn trọng tuyệt đối của Hồ Chí Minh đã tiếp thêm sức mạnh để cụ Huỳnh xử lý tuyệt vời nhiều vụ việc hết sức phức tạp như vụ án phố Ôn Như Hầu... Cuộc sống chứng minh: Lòng tin mãnh liệt mà con người dành cho nhau chính là phương pháp dùng người hiệu quả nhất. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng thật tinh tế khi nhận xét: Chủ nghĩa nhân đạo của Hồ Chí Minh không chỉ biểu hiện ở sự hy sinh vì con người, đem lại những điều con người mong muốn, mà còn là khả năng "khơi dậy trong con

người lòng tự hào và niềm tin, ý chí và nhiệt tình cách mạng để rồi *con người tự mình làm ra tất cả*"(17). *Tấm lòng thành và niềm tin* chính là bí quyết đối nhân xử thế đầy tính văn hóa của Hồ Chí Minh.

Tóm lại, chúng ta tìm thấy trong tư tưởng "*dĩ bất biến, ứng vạn biến*" của Hồ Chí Minh *một phương cách nhận thức hiệu quả, một triết lý hành động, một triết lý nhân sinh và văn hóa ứng xử tinh tế*... Phương Đông huyền bí đã đúc kết tâm vóc của một vĩ nhân qua việc am tường *5 cái biết* (ngũ tri: Tri kỷ, tri bỉ, tri thời, tri chỉ, *tri biến* - biết mình, biết người, biết thời, biết dừng, biết biến) mà trong đó, *tri biến là đỉnh cao của tri*.

"Sự hài hòa giữa chủ quan và khách quan, sự ăn khớp giữa chiến lược và sách lược, sự thống nhất giữa tính nguyên tắc và tính linh hoạt"(18) không chỉ là bí quyết nhận thức và hành động hiệu quả của riêng Hồ Chí Minh mà nó đã trở thành *chiếc chìa khóa vạn năng* để dân tộc ta vững vàng trong mọi hoàn cảnh, kể cả trong những *diễn biến khôn lường* của cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ ngày nay. Quả thật, "người ta không thể trở thành một Cụ Hồ Chí Minh, nhưng ở Cụ Hồ mỗi người đều có thể học một số điều làm cho mình tốt hơn"(19). Việc tiếp nhận tư tưởng "*dĩ bất biến, ứng vạn biến*" của Người cũng không nằm ngoài quy luật đó. □

(17) Phạm Văn Đồng. *Hồ Chí Minh, một con người, một thời đại, một sự nghiệp*. Sdd., tr.205.

(18) Phạm Văn Đồng. *Hồ Chí Minh, một con người, một thời đại, một sự nghiệp*. Sdd., tr.180.

(19) Dẫn theo: Trần Văn Giàu. *Vĩ đại một con người*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.45.